TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **312**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-09-2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phu;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2018, về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 422/2018/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Tuyết N, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà N có mặt; ông H vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Cao Thị Tuyết N; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hôn nhân của bà Cao Thị Tuyết N với ông Nguyễn Văn H là do mai mối tiến đến hôn nhân vào năm 2012, đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã PH, huyện A, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 20/01/2014.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường nhậu nhẹt, gây sự đánh đập. Hai người đã ly thân nhau từ năm 2016. Gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H không sửa đổi. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 27/10/2013, hiện nay cháu A sinh sống cùng ông H.

Bà N chấp nhận để ông H nuôi dạy con chung và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Về chứng cứ:

Bà Cao Thị Tuyết N cung cấp: Trích lục kết hôn ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã PH; Trích lục khai sinh cháu Nguyễn Thị Tuyết A; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Văn N1 và Giấy chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị Tuyết N.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân và điều kiện sống của cháu A.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được ly hôn với ông H; đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dạy con chung và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H là phù hợp quy định tại điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Cao Thị Tuyết Ng với ông Nguyễn Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị Tuyết N; đồng thời công nhận sự tự nguyện của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa bà Cao Thị Tuyết N với ông Nguyễn Văn H có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PH cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Bà N xin ly hôn, ông Hải có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về tình cảm: Bà N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường nhậu nhẹt càn quấy, thiếu quan tâm chăm lo gia đình, thường cự cải và ông H còn có hành vi bạo lực. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông H không sửa đổi, hai người đã ly thân từ khoảng năm 2016. Kết quả xác minh có căn cứ xác định trình bày của bà N là có căn cứ. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N với ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 27/10/2013. Hiện nay, con chung đang sinh sống cùng ông H. Qua xác minh được biết cháu A được nuôi dạy tốt. Xét cháu A đã có cuộc sống ổn định cùng gia đình ông H và bà N cũng chấp nhận để ông H tiếp tục nuôi dạy, nên giao cháu A cho ông H nuôi dạy sẽ đảm bảo về tâm sinh lý cho cháu A lúc này.

Công nhận sự tự nguyện của bà N về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông H cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông H có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có yêu cầu thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng;

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Tuyết A sinh ngày 27 tháng 10 năm 2013.

Bà Cao Thị Tuyết N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 *(Một triệu)* đồng. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thị Tuyết A đến tuổi trưởng thành và tự lập được.

Về án phí: Bà Cao Thị Tuyết N phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng án phí bà Nhung phải chịu là 600.000 *(Sáu trăm nghìn)* đồng, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003076 ngày 27/6/2018. Bà N còn phải nộp thêm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Bà Cao Thị Tuyết N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Văn Sáu